

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ - ST  
Ngày 31 tháng 8 năm 2018  
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Kim Văn Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Nguyễn Văn Chung

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hồng Giang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Phương D, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI D VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại toà án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Phương D trình bày:

Chị và anh Chu Văn T kết hôn ngày 02/02/2016 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh tại thôn M, xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời không quan tâm chăm sóc gì đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi và đánh nhau. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, trong thời gian ly thân thì vợ chồng đã bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ gì đến nhau trong cuộc sống nữa.

Năm 2017 chị đã có đơn xin ly hôn anh Chu Văn T tại Tòa án nhân dân huyện V, tuy nhiên sau đó chị đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nhưng tình trạng hôn nhân của vợ chồng vẫn không được cải thiện được.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn T.

Về con chung: Chị và anh Chu Văn T có 01 con chung là Chu Văn Q, sinh ngày 28/7/2016 (hiện cháu đang ở với chị). Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất nông nghiệp và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, bản thân anh T đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không yêu cầu anh T viết bản tự khai hay tiến hành được việc lấy lời khai của anh T.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm thời điểm xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thụ lý và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng trong vụ án; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành và gửi thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định. Thẩm phán đã thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không kiến nghị gì về tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử: Cho chị Đoàn Thị Phương D được ly hôn anh Chu Văn T.

Về con chung: Giao chị Đoàn Thị Phương D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Văn Q, sinh ngày 28/7/2016 (hiện cháu đang ở với chị D). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Phương D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn anh Chu Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy việc kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2]Về tố tụng: Bị đơn anh Chu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Phương D và anh Chu Văn T kết hôn ngày 02/02/2016 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp giấy chứng nhận theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và việc kết hôn là tự nguyện. Không thuộc trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn. Vợ chồng đã có một thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 01 con chung. Chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, bản thân anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án hay làm văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị D xin ly hôn anh T là có căn cứ. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị D được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị Đoàn Thị Phương D và Trích lục khai sinh ngày 23/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc thì chị D và anh T có 01 con chung là Chu Văn Q, sinh ngày 28/7/2016. Hiện cháu Q vẫn đang được chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy việc chị D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất nông nghiệp và công sức: Do các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Chị Đoàn Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho chị Đoàn Thị Phương D được ly hôn với anh Chu Văn T.
2. Chị Đoàn Thị Phương D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Văn Q, sinh ngày 28/7/2016 (hiện cháu đang ở với chị D). Anh Chu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về án phí:

Chị Đoàn Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0003676 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V.
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Kim Văn Quang**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Văn Thông**

**Lê Xuân Tâm**

**Kim Văn Quang**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V.
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Thổ Tang (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Kim Văn Quang**

Áp dụng các

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử:

1. Cho ông Nguyễn Hồng Đào được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng Lê.
2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Hồng Lê được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt Hoàng, sinh ngày 29/11/2008 (hiện cháu đang ở với bà Lê). Ông Đào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà Lê cho cháu Hoàng

với mức 1.500.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Đào phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đào còn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Kim Văn Quang**

## **I.VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG**

**1.Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án:**

**\*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:**

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án.

**\*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:**

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

**2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án:**

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

**II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:**

Qua tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, khẳng định thửa đất 87,1 m<sup>2</sup> tại thửa số 117 tờ bản đồ số 55 ở thôn Bắc Cường, thị trấn Thổ Tang, huyện V, Vĩnh Phúc có tên trong sổ mục kê lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Lạc, phần đất này đứng tên ông Lê Văn Ngọc.

Theo quy định tại Nghị định 404 – CP ngày 09/11/1979, quy định về chức năng nhiệm vụ và tổ chức của Tổng cục quản lý ruộng đất của Hội Đồng Chính Phủ; Quyết định số 201 – CP ngày 01/7/1980 của Hội Đồng Chính Phủ về thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 18 Nghị Định 43/2014/NĐ – CP quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai, hộ gia đình, cá nhân; Điều 20 thông tư liên tịch số 24 ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định về hồ sơ địa chính thì khẳng định phần diện tích 87,1 m<sup>2</sup> mà các bên đương sự đang tranh chấp vào thời điểm năm 1976 là thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn Ngọc.

Năm 1979 ông Lê Văn Ngọc và vợ là chị Vũ Thị Doãn đã chuyển nhượng phần diện tích 87,1 m<sup>2</sup> mà các bên đương sự đang tranh chấp cho bà Vũ Thị Đào là sự thực, việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, mặc dù việc chuyển nhượng này chỉ thể hiện bằng giấy viết tay không công chứng, chứng thực. Do vậy cần phải công nhận việc chuyển nhượng này.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ )Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết là đề nghị Tòa án xác định 87,1 m<sup>2</sup> đất là tài sản của bà.

+ ) Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị Đào là buộc bà Lê Thị Tuyết phải trả lại cho bà Vũ Thị Đào 87,1 m<sup>2</sup> đất ở thôn Bắc Cường.

+ ) Bà Tuyết phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

